

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ MIKO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ MIKO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIKO IMPORT EXPORT TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MIKO TECH CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108394550

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [mikotec@outlook.com](mailto:mikotec@outlook.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                          | 2822     |
| 2.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                  | 2824     |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                             | 3312     |
| 4.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4730     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 6.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                            | 5210     |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                       | 5224     |
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710     |
| 9.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                    | 7730     |
| 10. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                 | 2815     |
| 11. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                              | 2816     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                 | 3313     |
| 13. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                 | 3314     |
| 14. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)              | 3315     |
| 15. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                 | 3311     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                  | 4321     |
| 17. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)          | 2817     |
| 18. | Xây dựng nhà các loại                                                                                  | 4100     |
| 19. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Đồ ngũ kim;<br>- Sơn, véc ni và sơn bóng;<br>- Kính phẳng;<br>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;<br>- Thiết bị và vật liệu để tự làm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết :<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659        |
| 28. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4661        |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662        |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sử vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299(Chính) |

|     |                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                           | 3320 |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị và vật tư cho ngành in           | 4669 |
| 34. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                    | 2511 |
| 35. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                        | 2512 |
| 36. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                      | 2592 |
| 37. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                      | 2814 |
| 38. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: NGUYỄN NGOC MINH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 27/07/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 131387438

Ngày cấp: 30/07/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 5, Xã Diêu Lương, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: P905 tòa nhà B11B, KĐT Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: HÀ MANH HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/06/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013281366

Ngày cấp: 14/01/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội